TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2018
Về tranh chấp: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Đức;**

2. Ông **Lê Công Quyền.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Đào Ngọc T**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 549, ấp S, xã D, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Bùi Thái B**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà Ô 4/14, ấp X, xã Y, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Đào Ngọc T thể hiện:

Chị T và anh Bùi Thái B chung sống vợ chồng từ tháng 4/2017, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị sống chung được 05 ngày thì anh B đem số vàng cưới của vợ chồng đi bán và lấy chiếc xe mô tô hiệu Sirius của chị T đi cầm cố, chị T không đồng ý nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất hòa, làm tổn thương tình cảm của nhau. Chị T và anh B sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay

chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Bùi Thái B thể hiện:

Anh B thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Sau khi anh và chị T cưới nhau được vài ngày thì anh bị bệnh nên có lấy số vàng cưới của vợ chồng đem đi bán để chữa bệnh, chị T không đồng ý nên vợ chồng có xảy ra cãi vả. Đến cuối năm 2017 cha mẹ ruột chị T xin mẹ anh cho chị T về nhà chơi một thời gian nhưng chị T ở lại nhà cha mẹ ruột luôn cho đến nay. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh cũng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều B đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B là có căn cứ theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị T, anh B chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị T và anh B là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Thái B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T trình bày chị và anh B chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống chung chị T đã nhiều lần kêu anh B đi đăng ký kết hôn nhưng anh B chần chừ không đồng ý đi đăng ký kết hôn. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ

chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B thống nhất giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nhưng theo anh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bản thân anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh B sống chung như vợ chồng từ tháng 4/2017 nhưng không đi đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận chị T và anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T, anh B chung sống không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận chị Đào Ngọc T và anh Bùi Thái B là vợ chồng.

2. Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012064 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang